

Số /BC-SNN

Lai Châu, ngày tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững năm 2021

I. Kết quả thực hiện các mục tiêu năm 2021

1. Hoàn thiện hệ thống thể chế phát triển bền vững; Thực hiện lồng ghép các mục tiêu PTBV trong chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Năm 2021, Sở tiếp tục lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào các chính sách, kế hoạch lĩnh vực quản lý, cụ thể:

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố trong quá trình xây dựng, trình ban hành các Nghị quyết, như: Tham mưu ban hành Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND, ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND, ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Tham mưu ban hành Quyết định số 422/QĐ-UBND, ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định 423/QĐ-UBND, ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng và ban hành hướng dẫn số 2088/HD-SNN, ngày 15/10/2021 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND, ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Tham mưu xây dựng, báo cáo UBND tỉnh trình Tỉnh ủy phê duyệt tại Đề án số 04-ĐA/TU, ngày 25/8/2021 đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025.

- Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, trình UBND tỉnh phiên họp tháng 10 tại tờ trình số 2089/TTr-SNN, ngày 15/10/2021 về việc xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đã ban hành Tờ trình số 1343/TTr-SNN, ngày 07/7/2021 về việc đề nghị phê duyệt Đề cương kỹ thuật, dự toán kinh phí dự án Xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 1388/TTr-SNN, ngày 13/7/2021 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu, trình UBND tỉnh Lai Châu; UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 816/QĐ-UBND, ngày 09/7/2021 phê duyệt đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí dự án Xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 942/QĐ-UBND, ngày 22/7/2021 phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án Xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND, ngày 23/8/2021, phân cấp cho UBND các huyện, thành phố phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Tài chính ban hành Công văn số 325/CV:TC-NN&PTNT, ngày 17/3/2021 hướng dẫn hồ sơ, trình tự thủ tục thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Ban hành văn bản số 1552/SNN-PTNT ngày 05/08/2021 đề nghị các huyện, thành phố tăng cường thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn đối với UBND các huyện trong quá trình triển khai, thực hiện đề án. Ban hành văn bản số 299/SNN-TT&BVTV, ngày 01/3/2021 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại hướng dẫn số 733/HD-SNN, ngày 21/04/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT; Công văn số 896/SNN-KHTC, ngày 14/5/2021 đề nghị giải quyết vướng mắc trong thực hiện đầu tư các tuyến đường nội đồng vùng chè cổ; Công văn 1008/SNN-KL, ngày 28/5/2021 phúc đáp văn bản của UBND huyện Tam Đường về đề nghị tháo gỡ khó khăn trong thực hiện Dự án bảo tồn và phát triển chè cổ thụ trên địa bàn huyện Tam Đường. Hướng dẫn số 1538/SNN-TT&BVTV, ngày 03/8/2021 hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc và bảo tồn cây chè cổ thụ.

- Tổ chức quán triệt các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện được nêu tại Kế hoạch số 148, 149/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh; xây dựng Kế hoạch số 49/KH-SNN, ngày 11/01/2021 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày, 01/01/2021 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Kế hoạch số 42/KH-SNN, ngày 11/01/2021 thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP, ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng chuyên

môn, đơn vị trực thuộc Sở tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị để đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành.

2. Bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững

Công tác chỉ đạo sản xuất được ngành và chính quyền địa phương triển khai ngay từ đầu năm và thực hiện theo đúng tiến độ, mùa vụ để đảm bảo các chỉ tiêu được giao; sản xuất hàng hóa được đẩy mạnh, các vùng sản xuất tập trung ngày càng được mở rộng, việc đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất được bà con nông dân chú trọng.

** Về trồng trọt:*

- Tổng sản lượng lương thực ước đạt 224.000 tấn (thóc 151.900 tấn, ngô 72.100 tấn. Diện tích gieo cấy lúa đông xuân đạt 6.780 ha, năng suất ước đạt 55,5 tạ/ha, sản lượng ước đạt 37.600 tấn. Diện tích gieo cấy lúa mùa đạt 23.089 ha, năng suất ước đạt 48,4 tạ/ha, sản lượng 111.640 tấn. Đã triển khai được 3.500 ha cánh đồng sản xuất tập trung, sử dụng một giống lúa chất lượng như: J02, IR64, Sóng cù, Nếp tan Co Giàng, PC6, Hương thơm số 1..., đạt 100% KH, năng suất ước đạt 51,4 tạ/ha, sản lượng 18.000 tấn. Diện tích ngô cả năm 20.490 ha (trong đó: ngô Xuân hè 17.192 ha, ngô Thu đông 3.298 ha), năng suất ước đạt 35,2 tạ/ha, sản lượng 72.100 tấn.

- Tổng diện tích chè trên địa bàn tỉnh đạt 8.620 ha, trong đó trồng mới đạt 818 ha. Diện tích chè kinh doanh 6.023 ha, sản lượng chè búp tươi ước đạt 44.000 tấn. Diện tích cây ăn quả hiện có 8.292 ha, trong đó trồng mới 585 ha; sản lượng ước đạt 54.000 tấn.

- Tổng diện tích cây cao su hiện có là 12.951 ha; các công ty và nhân dân tập trung chăm sóc diện tích cao su đã trồng qua các năm, hiện cây cao su sinh trưởng, phát triển tốt và một số diện tích đang trong thời kỳ khai thác; trong năm diện tích đưa vào khai thác mủ 8.238 ha, năng suất ước đạt 10,4 tạ mủ khô/ha/năm; sản lượng ước đạt 8.571 tấn mủ khô. Theo báo cáo của Công ty cổ phần Cao su Lai Châu, việc xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su có công suất chế biến 5.000 tấn/năm; đến nay đã hoàn thành việc lắp đặt máy móc, thiết bị nhà xưởng; hiện đang xây dựng hệ thống nước thải, dự kiến đến hết quý II/2022 nhà máy được đưa vào hoạt động.

- Diện tích cây ăn quả ngày càng được mở rộng với các loại cây như chuối, chanh leo cây ăn quả ôn đới, cây ăn quả có múi... Tổng diện tích cây ăn quả ước đạt 8.292 ha, sản lượng ước đạt 54.000 tấn, đạt 100% KH, trong đó diện tích trồng mới ước đạt 585 ha, đạt 100% KH.

** Về chăn nuôi, thủy sản:*

- Về chăn nuôi: Trong năm, công tác chăn nuôi, thủy sản đã được chỉ đạo thực hiện quyết liệt ngay từ đầu năm, đặc biệt là công tác tái đàn lợn, phòng chống dịch bệnh gia súc, thủy sản. Tổng đàn gia súc đạt 320.100 con, đạt 100,2% KH, trong đó: Trâu 92.570 con, bò 22.330 con, lợn 205.200 con; tốc độ tăng trưởng đàn gia súc 5%, đạt 100% KH. Tổng đàn gia cầm ước đạt 1.607 nghìn con, đạt 100%/KH. Sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 15.000 tấn, đạt 109,4% KH; trong đó thịt lợn 10.500 nghìn tấn. Ngoài ra còn có 4.740 con ngựa và 36.330 con dê.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 14 trang trại chăn nuôi (đạt tiêu chí theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT), 05 HTX hoạt động chăn nuôi, khoảng trên 240 cơ sở chăn nuôi quy mô từ 15 con trâu, bò, ngựa hoặc 50 con lợn, dê hoặc 500 con gia cầm hoặc 300 con thỏ trở lên; có 04 doanh nghiệp chăn nuôi lợn theo hình thức khép kín với quy mô 2.000-4.000 con/lứa (trong đó có 02 doanh nghiệp chăn nuôi theo hình thức liên kết với Công ty C.P với quy mô 2.000-3.000 con/lứa). Ngoài ra, có khoảng 45.050 hộ chăn nuôi trâu bò (trong đó có 30.700 hộ chăn nuôi trâu, bò có chuồng trại kiên cố, bán kiên cố (chiếm khoảng 68,1%); 29.420 hộ có dự trữ thức ăn (chiếm 65,3%)), 43.150 hộ chăn nuôi lợn, 90.900 hộ chăn nuôi gia cầm.

- Về thủy sản: Diện tích ao nuôi trồng thủy sản đạt toàn tỉnh ước đạt 976 ha, đạt 101,1% KH; Số cơ sở nuôi cá nước lạnh 30 cơ sở (11 cơ sở có bể nuôi kiên cố; 19 cơ sở nuôi tạm); Thể tích nuôi cá nước lạnh đạt 20.087 m³, đạt 128,1% KH; Thể tích nuôi cá lồng 134.082 m³. Sản lượng nuôi trồng và đánh bắt tự nhiên ước đạt 3.300 tấn, tăng 139 tấn so với năm 2020, đạt 103,1% KH, trong đó: Sản lượng nuôi cá ao, lồng 2.850 tấn; sản lượng nuôi cá nước lạnh 170 tấn; sản lượng khai thác đạt 280 tấn.

Trong năm, việc tiêu thụ cá nuôi trong lồng, cá nước lạnh ở một số huyện gặp nhiều khó khăn, do địa lý cách xa, giao thông đi lại không thuận lợi, các vật tư đầu vào phải chịu chi phí cao về cước vận chuyển, khó cạnh tranh với các tỉnh khác dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm còn rất chậm. Đặc biệt vào đợt giãn cách xã hội do Covid-19, cá thương phẩm không xuất bán được, lượng cá tồn (lũy kế đến nay) khoảng 195,4 tấn (cá chiên, lăng, nheo mỹ, rô phi còn tồn khoảng 136,4 tấn; cá tầm hồi còn khoảng 59 tấn).

Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, các vùng sản xuất tập trung ngày càng được mở rộng, việc đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất được bà con nông dân chú trọng.

3. Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người

Thường xuyên chỉ đạo đơn vị chuyên môn thực hiện rà soát hiện trạng các công trình nước sinh hoạt vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh để trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo dưỡng, tu sửa các công trình hoạt động kém, các công trình không hoạt động và xây dựng mới các công trình tại các điểm dân cư, thôn bản, đặc biệt tại các điểm khó khăn.

Hiện toàn tỉnh có 804 công trình, số công trình đang hoạt động là 695 chiếm 86,15%; cấp nước cho 53.862 hộ dân với 263.415 nhân khẩu, chiếm 71,3% dân số nông thôn.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 87%, tăng 1,8 điểm % so với năm 2020, đạt 100% KH.

- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 82,5%, tăng 1,5 điểm % so với năm 2020, đạt 100% KH.

4. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi môi trường đất

Công tác phát triển và bảo vệ rừng tiếp tục được thực hiện tốt, diện tích rừng hiện có tiếp tục được bảo vệ nghiêm ngặt, đi đôi với thực hiện trồng mới, khoanh nuôi tái sinh rừng, gắn với chi trả dịch vụ môi trường rừng nhằm phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi môi trường đất.

- Tổng diện tích trồng rừng mới đạt 1.804 ha, trong đó: Rừng sản xuất 1.504 ha (quế 1.154 ha, gỗ lớn 350 ha); Rừng phòng hộ 300 ha (sơn tra 100 ha). Ngoài ra đã thực hiện trồng mới được 1.830 ha mắc ca, nâng tổng diện tích cây mắc ca hiện có trên địa bàn toàn tỉnh lên 5.595 ha. Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 51%. Tổng diện tích rừng hiện có là 479.538 ha, trong đó: diện tích rừng tự nhiên 445.587 ha (rừng đặc dụng 28.987 ha, rừng phòng hộ 254.840 ha, rừng sản xuất 161.760 ha); diện tích rừng trồng 21.000 ha; cây cao su 12.951 ha. Khoán bảo vệ rừng ước đạt 444.966 ha.

Nhìn chung phần lớn diện tích rừng mới trồng được các chủ đầu tư thực hiện đúng thời vụ trồng rừng trên địa bàn tỉnh (từ 01/6 đến 31/7/2021), diện tích rừng trồng mới vượt so với chỉ tiêu kế hoạch giao.

- Thường xuyên kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng kinh phí chi trả DVMTR tại các huyện, thành phố; đôn đốc các nhà máy thủy điện thực hiện trả tiền DVMTR theo quy định. Đến nay, việc chi trả tiền DVMTR năm 2020 cho người dân nhận bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành, tổng diện tích được chi trả 441.104 ha, đến nay tổng số tiền 465.480 triệu đồng, gồm: Chi kế hoạch năm 2020 là 451.716 triệu đồng (chi cho bên cung ứng DVMTR là 446.983 triệu

đồng; chi phí quản lý 4.733 triệu đồng); Chi theo kế hoạch năm 2021 là 13.764 triệu đồng (chi quản lý 3.412 triệu đồng; chi trả cho bên cung ứng DVMTR 10.352 triệu đồng). Với đơn giá chi trả bình quân 1 triệu đồng/ha, tổng số hộ được chi trả 79.991 hộ, thu nhập bình quân 5,4 triệu đồng/hộ, đã góp phần giảm bớt khó khăn cho người dân trong điều kiện bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid - 19 kéo dài, giúp người dân ổn định cuộc sống; nâng cao ý thức, trách nhiệm về công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị kê khai và nộp tiền ủy thác chi trả DVMTR theo hợp đồng đã ký kết. Đến nay, cơ bản các đơn vị đã nghiêm túc thực hiện việc kê khai và nộp tiền chi trả DVMTR. Đến nay tổng số tiền đã thu là 231.811 triệu đồng, đạt 49,9% so với kế hoạch (dự kiến sẽ thu đủ 464.488 triệu đồng đạt 100% kế hoạch).

5. Phát triển nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống, làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng

** Về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:*

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn tiếp tục được triển khai rộng khắp từ tỉnh đến cơ sở. Công tác tuyên truyền được thực hiện tốt và sâu rộng tới toàn thể các cấp, các ngành và nhân dân. Việc duy trì và nâng cao các tiêu chí được chỉ đạo thực hiện thường xuyên, nhận thức của nhân dân về nông thôn mới ngày càng được nâng lên; cơ sở hạ tầng tiếp tục được quan tâm đầu tư, công tác phát triển sản xuất, tạo việc làm mới nâng cao thu nhập gắn với xóa đói giảm nghèo được quan tâm; công tác giáo dục đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được đẩy mạnh; cảnh quan môi trường, bộ mặt nông thôn dần được cải thiện đổi mới. Đa số các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM đã duy trì được các tiêu chí theo quy định. Một số xã đã nâng cao được chất lượng một số tiêu chí so với thời điểm công nhận xã đạt chuẩn xã nông thôn mới.

Các tiêu chí được nâng lên so với thời điểm được công nhận đạt chuẩn xã NTM: huyện Than Uyên (xã Mường Mít: 3 tiêu chí, xã Hua Nà: 03 tiêu chí, xã Phúc Than: 02 tiêu chí); huyện Phong Thổ (xã Ma Li Pho: 10 tiêu chí); huyện Tân Uyên (xã Thân Thuộc: 8 tiêu chí, xã Trung Đồng: 07 tiêu chí; xã Tà Mít: 07 tiêu chí); huyện Sìn Hồ (xã Nậm Tăm: 6 tiêu chí, xã Nậm Mạ: 02 tiêu chí).

Tuy nhiên, ngoài kết quả nâng cao và duy trì các tiêu chí, vẫn còn một số tiêu chí chưa bền vững: Nhà ở dân cư, Thu nhập, Môi trường... Một số tiêu chí hoặc tiêu chí thành phần đến thời điểm hiện tại chưa đạt đầy đủ so với quy định, ví dụ như: huyện Phong Thổ: tiêu chí Thu nhập; tiêu chí Trường học; các tiêu chí thành phần: 17.3. Cảnh quan môi trường, 17.6. Tỷ lệ nhà tiêu hợp vệ sinh); huyện Sìn Hồ: Tiêu chí Giao thông, Tiêu chí Thu nhập; các Tiêu chí thành phần:

8.3. Đài truyền thanh & hệ thống loa, 17.1. Tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh); huyện Than Uyên: Tiêu chí Văn hóa, Tiêu chí thành phần 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng; Huyện Tân Uyên: tiêu chí thành phần 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng...

Đến nay toàn tỉnh có 39 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân tiêu chí ước đạt 15,9 tiêu chí/xã; không còn xã dưới 10 tiêu chí; huyện Tân Uyên đang đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các tiêu chí huyện nông thôn mới để đề nghị công nhận đạt chuẩn NTM năm 2020, cụ thể kết quả một số tiêu chí:

- Giao thông (Tiêu chí số 2): Hệ thống đường giao thông nông thôn toàn tỉnh có tổng chiều dài 5.300 km, trong đó: Đường huyện 934,72 km đã nhựa hóa và bê tông hóa được 768 km; đường xã 1.988 km đã nhựa hóa, bê tông hóa 992,6 km; đường nội bản, đường dân sinh và đường sản xuất là 2.377,5 km, cứng hóa được 943 km. Dự kiến hết năm 2020 có 72/94 xã đạt tiêu chí.

- Thủy lợi (Tiêu chí số 3): Hiện toàn tỉnh có 980 công trình (848 công trình kiên cố, 132 công trình tạm), trong đó có 06 hồ chứa, 974 công trình tưới tự chảy (Công ty thủy nông tỉnh quản lý 95 công trình, các công trình còn lại do các huyện, thành phố quản lý). Tổng chiều dài kênh mương là 2.130 km, trong đó có 1.641 km kiên cố, 489 km kênh tạm. Ước hết năm 2020 có 94/94 xã đạt tiêu chí thủy lợi.

- Về thu nhập (Tiêu chí số 10): Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn: Năm 2019: 16.044 triệu đồng. Dự kiến 2020: 17.964 triệu đồng. Số xã đạt tiêu chí về thu nhập 42/94 xã đạt tiêu chí.

- Hộ nghèo (Tiêu chí số 11): Tỷ lệ hộ nghèo năm 2020 toàn tỉnh là 16.33%, trong đó ở khu vực nông thôn 20,22%, trung bình giảm 4,74%/năm. Số xã đạt tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo 41/94 xã.

Tuy nhiên việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại một số xã đạt chuẩn còn hạn chế (về các tiêu chí thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo, cơ sở hạ tầng); cấp ủy, chính quyền tại một số địa phương chưa quyết liệt trong công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt các tiêu chí nhất là tiêu chí môi trường vẫn chưa được giải quyết triệt để; Công tác giải ngân nguồn vốn sự nghiệp còn chậm; Hạ tầng nông thôn ở một số xã nghèo, biên giới nhiều nơi vẫn còn lạc hậu, việc tiêu thụ sản phẩm còn nhiều khó khăn.

** Về Chương trình bố trí dân cư và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:*

- Thực hiện sắp xếp ổn định dân cư cho 86 trong đó bố trí xen ghép 82 hộ và ổn định tại chỗ 04 hộ dân (Huyện: Mường Tè 03 hộ; Nậm Nhùn 46 hộ; Sìn Hồ 23 hộ; Phong Thổ 06 hộ; Tam Đường 01 hộ; Tân Uyên 05 hộ; Than Uyên 02 hộ).

- Phối hợp với Ban Dân tộc xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020. Nhìn chung nguồn vốn thực hiện các dự án đã góp phần cải thiện đời sống nhân dân, kịp thời phục vụ sản xuất. Tuy nhiên kết quả giảm nghèo chưa bền vững, số hộ tái nghèo và nghèo phát sinh còn cao, nhiều hộ thoát nghèo lại rơi vào hộ cận nghèo. Nhiều dự án đã được triển khai nhưng khả năng nhân rộng còn hạn chế, hiệu quả chưa cao, chưa thực sự lan rộng và trở thành phong trào trong cộng đồng. Bên cạnh đó, năm 2021 vốn không được giải ngân nên các dự án mới không được triển khai, chủ yếu là theo dõi và tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm 2019, 2020.

** Về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn:*

Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021 là 7.470 chỉ tiêu, trong đó: Nghề nông nghiệp 5.560 chỉ tiêu; nghề phi nông nghiệp 1.910 chỉ tiêu. Kết quả đã tổ chức mở lớp đào tạo nghề nông nghiệp được 163 lớp với 4.882 chỉ tiêu (đạt 88% kế hoạch, tăng 1.008 chỉ tiêu so với cùng kỳ năm 2020).

Tuy nhiên, công tác điều tra, khảo sát nhu cầu đào tạo nghề của một số huyện còn chưa bám sát nhu cầu thực tế vì vậy trong quá trình triển khai thực hiện một số huyện phải chuyển đổi nghề sau khi có quyết định phê duyệt. Đối tượng tham gia học nghề không đồng đều, chưa nhận thức được việc đào tạo nghề là một nhu cầu, yếu tố cần thiết để đảm bảo cuộc sống. Công tác kiểm tra, giám sát sau đào tạo chưa được quan tâm và chưa được thực hiện thường xuyên. Việc đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại một số huyện, thành phố chưa quan tâm đến đào tạo cho lao động của các doanh nghiệp và hợp tác xã, trang trại.

6. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai

Nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chức năng được giao là Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh, thường trực thiên tai 24/24 đảm bảo thông tin kịp thời, tham mưu các biện pháp phòng chống thiên tai một cách chủ động, hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra. Đồng thời trong năm đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động Quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; báo cáo kết quả chi khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021...

Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã xảy ra một số đợt thiên tai (02 đợt rét đậm, rét hại, 01 đợt mưa đá, dông, lốc, 13 đợt mưa lớn) gây ảnh hưởng đến tài sản nhà nước và nhân dân, ước tổng thiệt hại trên 43 tỷ đồng.

Về người đã có 13 người bị thương (trong đó có 6 người bị sét đánh, 4 người bị cây gãy trúng, 3 người bị sạt lở đất). Về tài sản: 528 ngôi nhà bị ảnh hưởng, thiệt hại, trong đó: 14 nhà thiệt hại hoàn toàn trên 70%; 40 nhà thiệt hại rất nặng từ 50%-70%; 50 nhà thiệt hại nặng từ 30%-50%; 408 nhà thiệt hại một

phần dưới 30%; 11 nhà bị ngập nước; 76 nhà phải di dời khẩn cấp. Về sản xuất nông nghiệp: 41 ha lúa, 19 ha hoa màu, 103 ha cây trồng hằng năm, 234 ha cây lâu năm, 83 ha cây ăn quả; 116 cây xanh đô thị bị gãy, đổ. Có 209 con gia súc, 532 con gia cầm bị chết; 12 chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi bị ảnh hưởng hư hỏng. Về cơ sở hạ tầng: 30 công trình Thủy lợi, 02 công trình nước sinh hoạt bị hư hỏng; 6 điểm trường bị ảnh hưởng một phần; một số tuyến đường giao thông bị sạt, lở gây tắc nghẽn, ảnh hưởng nghiêm trọng tới giao thông.

Ngay sau khi thiên tai xảy ra, đoàn công tác của UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh đã khẩn trương trực tiếp xuống hiện trường chỉ đạo công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Trước tình hình thiên tai trên địa bàn, các cấp chính quyền đã huy động các lực lượng tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả trên địa bàn theo phương châm “4 tại chỗ” bao gồm lực lượng thường trực và lực lượng dân quân xung kích cấp xã (1.400 người). Kịp thời động viên, hỗ trợ và giúp đỡ gia đình có người bị thương, bị thiệt hại về tài sản. Tiến hành kiểm tra, rà soát thiệt hại, hướng dẫn khắc phục sản xuất vụ Đông xuân, Xuân hè đảm bảo theo kế hoạch. Chỉ đạo tổ chức phân luồng giao thông, cấm biển cảnh báo, chỉ đạo các đơn vị thi công hót sạt, sạt thông tuyến đảm bảo giao thông trên các tuyến đường. Các công trình cơ sở hạ tầng bị thiệt hại do thiên tai gây ra từ đầu năm đến nay đã được các đơn vị chủ quản và UBND các huyện, thành phố chủ động bố trí kinh phí và khắc phục; Đường giao thông bị thiệt hại đã được các đơn vị quản lý kịp thời sửa chữa và thông tuyến tạm, đảm bảo đi lại tối thiểu của nhân dân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Các kết quả đạt được

Trong năm 2021 tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp đã đạt được những kết quả nổi bật đó là:

- Tổng sản lượng lương thực có hạt 224.000 tấn, đạt 100,9% so với KH, tăng 2.200 tấn so với năm 2020, an ninh lương thực được đảm bảo.

- Tiếp tục mở rộng phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao (trồng mới thêm 818 ha, đạt 120,3% KH); diện tích, sản lượng chè không ngừng tăng, mối liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm được duy trì và phát triển.

- Các chỉ tiêu về chăn nuôi, thủy sản đạt và vượt kế hoạch: Tổng đàn gia súc chính toàn tỉnh ước đạt 320.100 con, đạt 100,2%/KH; Tổng đàn gia cầm ước đạt 1.607 nghìn con, đạt 100%/KH. Diện tích ao nuôi trồng thủy sản đạt 976 ha ha, đạt 101,04% KH; thể tích nuôi cá nước lạnh đạt 20.087 m³, đạt 128% KH; Sản lượng nuôi trồng và đánh bắt tự nhiên ước đạt 3.300 tấn, đạt 103% KH.

- Diện tích rừng hiện có tiếp tục được bảo vệ tốt, tỷ lệ che phủ rừng được nâng lên đạt 51%, đạt 100% so với KH. Chỉ tiêu trồng mới rừng, trồng mới mắc

ca vượt kế hoạch giao: Diện tích rừng trồng mới ước đạt 1.804 ha đạt 109,3% KH; Diện tích trồng mới mắc ca ước đạt 1.830 ha đạt 120,7% KH.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định. Sản xuất nông nghiệp có những chuyển biến tích cực; cơ sở hạ tầng tiếp tục được quan tâm đầu tư. Giáo dục, đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân được quan tâm, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được đẩy mạnh. An ninh chính trị, an ninh trật tự nông thôn tiếp tục được giữ vững; hệ thống chính trị cơ sở được tăng cường. Có 42 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100% so với KH.

- Công tác nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tiếp tục được thực hiện tốt, đảm bảo 100% mục tiêu đề ra.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém cần khắc phục, đó là:

- Tiến độ triển khai trồng mới cây ăn quả tại một số địa phương còn chậm và có khả năng đến hết tháng 11/2021 mới hoàn thành công tác trồng mới.

- Quy mô chăn nuôi trên địa bàn tỉnh chủ yếu nhỏ lẻ, hộ gia đình; quá trình chuyển đổi phương thức chăn nuôi diễn ra chậm; khả năng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế; việc hình thành chuỗi liên kết trong sản xuất chưa nhiều, sản phẩm đầu ra sức cạnh tranh chưa cao.

- Đầu ra cho sản phẩm cá đặc sản nuôi lồng, cá truyền thống chưa ổn định, giá thành sản xuất cao, chủ yếu tiêu thụ tại địa phương lượng cá thương phẩm còn tồn đọng tại các cơ sở còn nhiều (có thời điểm lên đến 300 tấn).

- Tiến độ thực hiện các hạng mục xây dựng nông thôn mới còn chậm, nhất là các hạng mục thực hiện các tiêu chí của 04 xã đăng ký đạt chuẩn năm 2021.

2.2. Nguyên nhân

- Các doanh nghiệp đăng ký trồng mới cây ăn quả gặp nhiều khó khăn trong việc tập trung đất đai (chưa thống nhất được mức giá thuê đất).

- Chi phí sản xuất thủy sản và cước vận chuyển cao dẫn đến giá thành sản phẩm tăng, khó cạnh tranh về giá bán trên thị trường. Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thủy sản trong tỉnh rất thấp, phần lớn các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản chưa thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nên khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường. Mặt khác do ảnh hưởng của đại dịch bệnh Covid-19, hoạt động của các nhà hàng, quán ăn cầm chừng, đời sống sản xuất, kinh tế của người dân bị ảnh hưởng; việc hạn chế đi lại, phong tỏa để phòng chống dịch ở nhiều nơi dẫn đến việc tiêu thụ thủy sản và sản phẩm thủy sản cũng giảm theo, đặc biệt là tiêu thụ các loại cá có giá trị kinh tế cao.

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục có tác động lớn tới việc triển khai thực hiện các hạng mục Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; tiến độ đầu tư các dự án bị ảnh hưởng do thực hiện các biện pháp cách ly theo quy định; thời tiết tiếp tục diễn biến phức tạp, thường xuyên xảy ra giông, lốc, mưa đã gây thiệt hại về sản xuất cho người dân và cơ sở hạ tầng nông thôn.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2022

1. Thực hiện lồng ghép các mục tiêu PTBV trong chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội

- Tiếp tục lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển bền vững của tỉnh trong kế hoạch 1640/KH-UBND vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, và các chương trình, đề án có tính chất kỹ thuật chuyên ngành để định hướng thực hiện.

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về các đề án, chính sách, đề nhân dân, DN, HTX biết đề đăng ký thực hiện để được nhân chính sách, phát huy vai trò MTTQ và các đoàn thể các cấp trong tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia giám sát, phản biện thực hiện các đề án, nghị quyết.

- Rà soát sửa đổi những nội dung chưa phù hợp của các hướng dẫn đã ban hành, đồng thời ban hành mới hướng dẫn thực hiện các đề án ngay sau khi đề án được phê duyệt. Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện đảm bảo theo mục tiêu đề ra.

2. Về đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững:

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng công nghệ, phát triển các mô hình sản xuất hữu cơ, sản xuất sạch, nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung vào các loại cây trồng chủ lực của tỉnh đã được xác định để hướng đến xuất khẩu và đẩy mạnh tiêu thụ tại các thị trường ngoài tỉnh góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp. Chủ động tham mưu chỉ đạo sản xuất, đẩy mạnh mối liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và người dân

- Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết để điều chỉnh kế hoạch sản xuất (thời vụ gieo trồng, cơ cấu và diện tích cây trồng), đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại do diễn biến bất thường của thời tiết. Thực hiện đầu tư thâm canh, tăng vụ lúa, ngô ở các vùng có điều kiện.

- Tăng cường công tác DTDB, chỉ đạo phòng trừ dịch hại, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng của sâu, bệnh hại đến năng suất, chất lượng cây trồng.

- Tập trung chỉ đạo đầu tư thâm canh, chăm sóc, diện tích chè đã trồng nhằm tăng năng suất, sản lượng; tăng cường kiểm tra chất lượng giống chè để phục vụ cho trồng chè mới năm 2022; thực hiện tốt quản lý vùng nguyên liệu chè tập trung, tăng cường mối liên kết giữa: Nhà nước - Doanh nghiệp - Nông dân trong sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị gia tăng.

- Cây cao su: Tập trung chăm sóc diện tích cây cao su đã trồng, tiến hành khai thác mủ cao su đối với diện tích cho khai thác.

- Tập trung phát triển nuôi con gia súc đã cho hiệu quả kinh tế cao, chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá trị cơ cấu ngành, đáp ứng nhu cầu thị trường và các loại đối tượng đặc sản phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái của tỉnh. Tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xử lý chất thải chăn nuôi như xây dựng hệ thống Biogas, sử dụng đệm lót sinh học tạo môi trường chăn nuôi an toàn, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản; ưu tiên khuyến khích các doanh nghiệp phát triển liên kết sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tạo điều kiện cho các HTX, trang trại nâng cấp, mở rộng quy mô hoạt động sản xuất. Tập trung phát triển HTX, trang trại chuyên sản xuất, cung ứng con giống đầu vào, bao tiêu sản phẩm đầu ra cho người dân.

- Xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình phòng chống dịch bệnh động vật hàng năm, giai đoạn trên địa bàn tỉnh; tiếp tục nắm bắt diễn biến tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh nhất là các điểm dịch bệnh đã xảy ra, khu vực lân cận trên địa bàn tỉnh, khu vực có nguy cơ cao và các tỉnh giáp ranh.

- Khai thác hiệu quả diện tích mặt nước hiện có, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đánh bắt, khai thác thủy sản trên các hồ. Khuyến cáo rộng rãi cho nhân dân mở rộng những mô hình thủy sản đã thực hiện có hiệu quả để đưa vào nuôi trồng đại trà. Vận động nhân dân cải tạo, nạo vét ao chuồng, tu sửa diện tích ao bị thiệt hại, hư hỏng do thiên tai trong năm trước để đưa vào sản xuất.

- Đa dạng hoá đối tượng và phương pháp nuôi để nâng cao năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường; tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống thủy sản, thức ăn bảo đảm an toàn dịch bệnh. Kiểm tra việc chấp hành các quy định của Pháp luật về sản xuất, kinh doanh giống, thức ăn hóa chất và chế phẩm sinh học sử dụng trong Nuôi trồng thủy sản.

- Tiếp tục thả cá bổ sung tại các hồ chứa một số loài cá truyền thống, quý hiếm có giá trị kinh tế nhằm khôi phục nguồn lợi thủy sản, cân bằng hệ sinh thái; tập trung đầu tư đồng bộ hóa cơ sở vật chất kỹ thuật nhất là hệ thống thủy lợi, cơ sở sản xuất và nhân giống, đường điện, máy móc phục vụ các vùng nuôi;

thu hút đầu tư vào lĩnh vực chế biến và xúc tiến thương mại tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm thủy sản.

3. Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người

Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, từng bước xã hội hoá việc đầu tư phát triển và quản lý khai thác sử dụng các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn nông thôn. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước kết hợp với nguồn vốn của địa phương, vốn góp của dân đầu tư các công trình cấp nước sạch nông thôn, theo hình thức tập trung hiện đại hoá, do dân quản lý khai thác.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình nước sinh hoạt hiện có. Tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư tập trung sửa các công trình đã xuống cấp và chỉ đầu tư xây dựng mới ở những địa bàn thực sự cần thiết.

- Phối hợp với UBND các huyện, Thành phố trong công tác quản lý sau đầu tư thực hiện các giải pháp nhằm từng bước khôi phục các công trình hoạt động kém hiệu quả, công trình không hoạt động.

4. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi môi trường đất

Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, tăng cường khoanh nuôi tái sinh, trồng mới rừng. Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Nâng cao năng lực phòng chống, cháy rừng, đầu tư cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ nâng cao năng lực, chất lượng công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giống cây lâm nghiệp khi đưa vào thực hiện trồng rừng năm 2022.

- Bảo vệ diện tích rừng hiện có gắn với dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng quy định.

- Đôn đốc, chỉ đạo các Ban quản lý rừng phòng hộ chủ động chuẩn bị vật tư, lựa chọn các loại giống (quế, cây gỗ lớn) có chất lượng để phục vụ đủ nhu cầu trồng rừng năm 2022 đạt hiệu quả đúng thời vụ.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức và nội dung thiết thực nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR trong cộng đồng dân cư.

5. Phát triển nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống, làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng

Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huy động các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng - xã hội vùng nông

thôn, tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển kinh tế du lịch, mỗi xã một sản phẩm,... Tiếp tục củng cố nâng cao các tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn; không ngừng cải thiện cuộc sống người dân nông thôn.

- Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn; tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới.

- Huy động tổng hợp, xã hội hóa nguồn lực, ưu tiên ngân sách để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện tối đa cho nông dân phát triển kinh tế, có tích lũy để tái sản xuất mở rộng và đầu tư phát triển; chủ động phát huy hiệu quả nguồn lực tại chỗ; khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phát huy vai trò quản lý của các cấp chính quyền về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phát huy sức mạnh các đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn.

6. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai

Thực hiện nghiêm công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2020. Thường xuyên theo dõi, tổng hợp và tham mưu thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, đảm bảo kịp thời hạn chế thấp nhất thiệt hại do diễn biến bất thường của thời tiết gây ra.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Lai Châu, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở KH và ĐT;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Châu